

GIÁ VÀNG TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ

NGUYỄN HỮU ĐỊNH (Giám đốc Công ty Vàng bạc Đá quý TP.HCM)

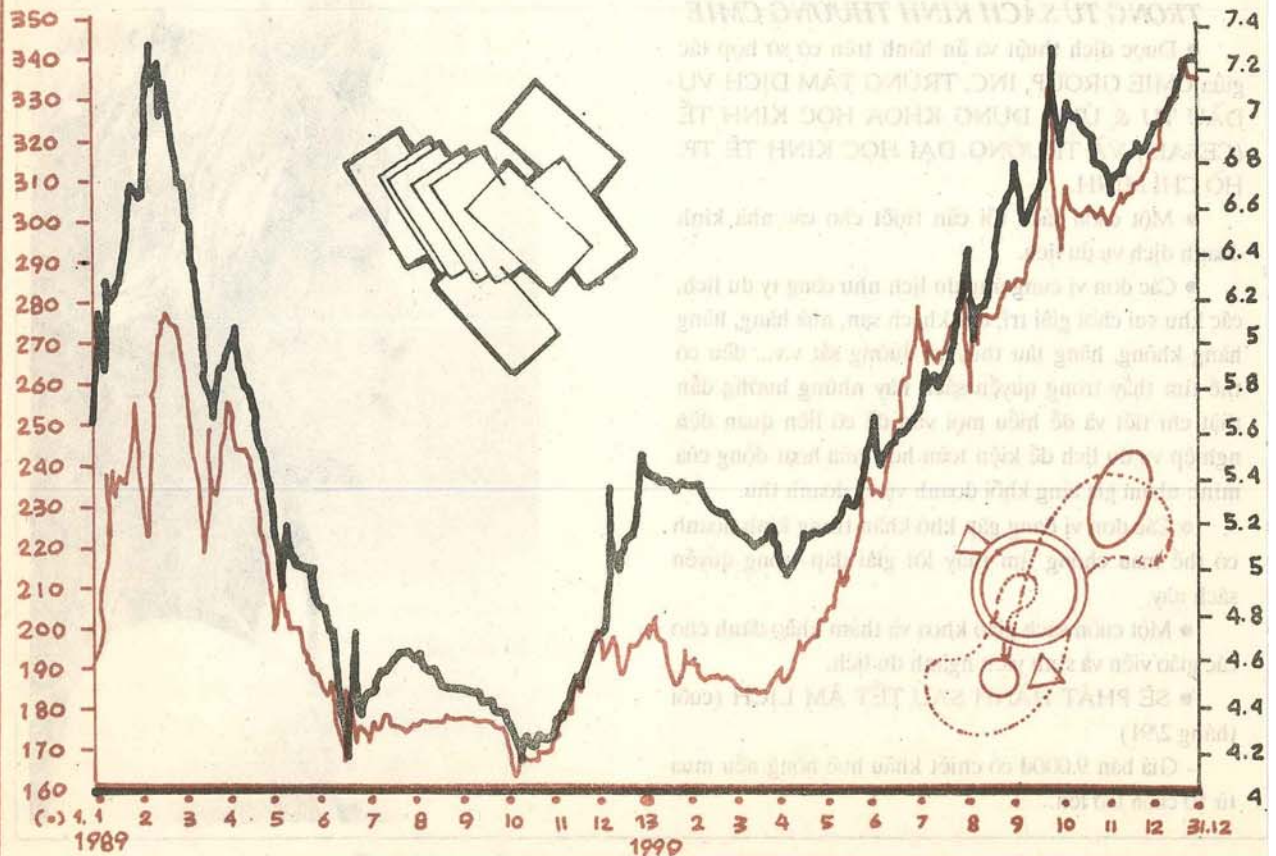
Thị trường vàng và đô-la trong nước ta nói chung, tại TP. HCM nói riêng, vừa trải qua một cuộc biến động giá mạnh mẽ. Giá vàng 999.9 từ 3,55 triệu/lượng (1.1.91) đã tăng lên với đỉnh cao là 4,15 triệu/lượng (13.1.91) - tăng 16,90 %. Giá đô-la từ 7.000d/USD (1.1.91) cũng tăng lên với đỉnh cao là 8.420d/USD (13.1.91)- tăng 20,28%. Trong khi đó mặt bằng giá toàn xã hội chỉ tăng trong khoảng 8%-10%. Đến cuối tháng 1/91, giá vàng dao động ở mức 3,77% triệu/lượng (tăng 6,2% so với đầu tháng) và giá đô-la dao

động ở mức 8.000d/USD (tăng 14,28% so với đầu tháng).

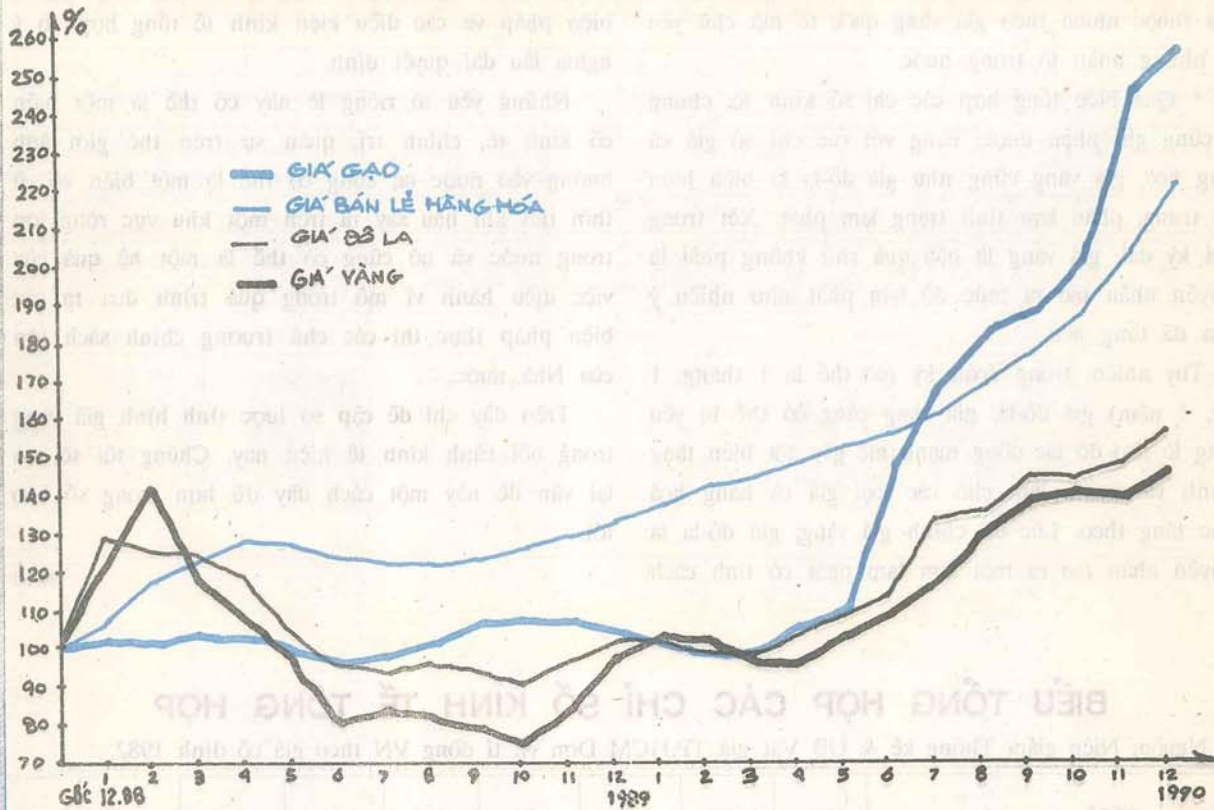
Nếu khảo sát giá vàng, giá đô-la qua biểu đồ của hai năm 1989-1990 ta sẽ thấy:

Lần đầu tiên trong lịch sử thị trường Việt Nam, vào năm 1989 giá vàng đã giảm mạnh và liên tục trong nhiều tháng, thậm chí có lúc giá vàng tại TP.HCM thấp hơn giá vàng tại các thị trường quốc tế. Vì thế ngay lúc đó, đã không có ít người lạc quan cho rằng ánh hoàng kim của vàng ngày càng phai nhạt và...

**BIỂU ĐỒ VÀ GIÁ VÀNG ĐÔLA NĂM 1989 - 1990
TẠI TP. HCM (1/1/1989 - 31/12/90)**



BIỂU ĐỒ CHỈ SỐ GIÁ CẢ TĂNG GIẢM HÀNG THÁNG TẠI TP. HCM (Từ tháng 1/89 đến 12/1990)



có thể kết thúc huyền thoại về vàng!

Nhìn vào biểu đồ giá vàng 1982-1990 (biểu 1&2), chúng ta sẽ thấy đường biểu diễn đã có hai lượt đi xuống trong dài ngày. Lượt thứ I trong năm 1989 và lượt II trong bốn tháng đầu năm 1990.

* Năm 1989: Từ đỉnh cao 3.450.000đ/ lượng vào những ngày Tết Nguyên đán (tháng 2/89), giá vàng đã xuống đến mức 1,7 triệu đ/lượng trong tháng 6/89 và 1,65 triệu đ/lượng vào tháng 10/89. Mức độ giảm là 52,17%, bình quân mỗi tháng giảm 6,5%. Điểm đặc biệt là trong năm này, biểu đồ của giá vàng TP.HCM, giá vàng quốc tế, giá đô-la và giá gạo đều có sự đồng dạng, cùng chiều hướng biến động, duy chỉ giá gạo có mức độ giảm ít

* hơn và trong các tháng 4,6,10 có những ngày giá vàng thị trường quốc tế tăng lên nhưng giá vàng tại TP.HCM vẫn tiếp tục giảm.

* Năm 1990: Giá vàng 2 tháng cuối năm 89 tăng nhẹ trở lại, lên đến đỉnh cao 2,45 triệu đ/ lượng vào ngày 31/12/89. Sau đó, suốt ba tháng của quý I/90 giá vàng đã giảm xuống mức 2,14 triệu đ/lượng, giảm 12,65%- bình quân mỗi tháng giảm 4,21%. Từ tháng 4 đến tháng 9/90, giá vàng đã tìm lại "thói quen" của nó, tăng liên tục lên đến 3,5 triệu đ/lượng vào ngày 22/9/90. Giá vàng chỉ chịu lùi xuống tạm thời trong tháng 10/90 tới mức 3,1 triệu đ/lượng để rồi tăng suốt đến nay (tháng 1/91), bằng với hai đỉnh cao mà nó đã từng đạt tới: 3,5 triệu đ/lượng.

Điểm nổi bật của biểu đồ giá cho thấy trong năm này, giá vàng và giá đô-la quện chặt nhau cùng giảm, cùng tăng, trong khi đó giá gạo chỉ giảm nhẹ và thường tăng. Ngoài ra, có những lúc giá vàng thế giới và giá vàng tại TP.HCM lại đi ngược chiều nhau:

° PHÁT TRIỂN

lúc giá này giảm, giá kia tăng và ngược lại. Điều này cũng cho thấy giá vàng năm 90 bị biến động không phụ thuộc nhiều theo giá vàng quốc tế mà chủ yếu do những nhân tố trong nước.

* Qua biểu tổng hợp các chỉ số kinh tế, chúng ta cũng ghi nhận được: cùng với các chỉ số giá cả hàng hoá, giá vàng cũng như giá đô-la là biểu hiện tập trung, phản ánh tình trạng lạm phát. Xét trong thời kỳ dài, giá vàng là hậu quả chứ không phải là nguyên nhân tạo ra mức độ lạm phát như nhiều ý kiến đã từng nêu.

Tuy nhiên, trong đoạn kỳ (có thể là 1 tháng, 1 quý, 1 năm) giá đô-la, giá vàng cũng có thể bị yếu riêng lẻ nào đó tác động mạnh mẽ gây đột biến tăng nhanh và mạnh, làm cho các loại giá cả hàng hoá khác tăng theo. Lúc đó chính giá vàng, giá đô-la là nguyên nhân tạo ra một cơn lạm phát có tính cách

nhất thời và sẽ bị chặn đứng, đẩy lùi hay phát triển ở mức cao hơn tùy theo toàn bộ các chính sách, biện pháp và các điều kiện kinh tế tổng hợp có ý nghĩa lâu dài quyết định.

Những yếu tố riêng lẻ này có thể là một biến cố kinh tế, chính trị, quân sự trên thế giới ảnh hưởng vào nước ta; cũng có thể là một biến cố về thời tiết khí hậu xảy ra trên một khu vực rộng lớn trong nước và nó cũng có thể là một hệ quả của việc điều hành vĩ mô trong quá trình đưa ra các biện pháp thực thi các chủ trương chính sách lớn của Nhà nước.

Trên đây chỉ đề cập sơ lược tình hình giá vàng trong bối cảnh kinh tế hiện nay. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này một cách đầy đủ hơn trong số báo tới.

NHD

BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ TỔNG HỢP

Nguồn: Niên giám Thống kê & UB Vật giá TP.HCM Đơn vị: tỉ đồng VN theo giá cố định 1982.

CHỈ SỐ	1982	1983	1984	1985	1986	1987	1988	1989	1990
GNP-theo giá so sánh 1982									
- Do Tổng cục thống kê xác định	239,10	262,2	288,5	310,39	335,72	353,72	376,22	384,5	390
- (%) so với năm trước	107,55%	109,66%	110,03%	107,58%	108,16%	105,36%	106,36%	102,20%	101,43%
- Do WB xác định lại			211,2	223,2	230,7	236,5	250,4		
(%) so với năm trước			100	105,68%	103,36%	102,51%	105,87%		
CÂN CÂN THƯƠNG MẠI (XNK)									
(%) so với năm trước	96,43%	96,4%	120,06%	105,84%	114,92%	120,2%	100,87%	38,37%	32,26%
CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH									
(%) so với năm trước	111,13%	64,31%	137,05%	228,86%	296,68%	493,30%	606,67%		
CÂN ĐỐI THU CHI TIỀN MẶT									
(%) so với năm trước				863,6%	56,10%	372,09%	516,25%		
CÁC CHỈ SỐ BIỂU HIỆN LẠM PHÁT									
- GNP theo giá hiện hành: so năm gốc	GỐC	+3,07 lần	+3,07lần	+5,88 lần	+34,66 lần	+138,5lần	+565,3 lần		
(%) so với năm trước			100%	202,3%	606,9%	411,5%	432,1%		
- Giá bán lẻ toàn xã hội:(%) so với năm trước	195%	150%	165%	192%	587%	417%	408%		
- Giá gạo tự do: (%) so với năm trước	100	140,8%	134,3%	165,9%	556,0%	471,5%	449,6%	132,3%	156,2%
- Giá đô-la: (%) so với năm trước	100	156,1%	164,3%	307,5%	545,8%	280,9%	386,5%	154,7%	119,3%
- Giá vàng:.(%) so với năm trước	100	212,6%	131,2%	228,1%	601,1%	324,6%	426,2%	136,2%	121,6%
so với năm gốc	GỐC	+2,12lần	+2,6lần	+6,36lần	+ 38,2lần	+ 124,2lần	+529lần	+720,8lần	876,6lần